# KIẾN THỨC, THỰC HÀNH PHÒNG SỐT XUẤT HUYẾT DENGUE VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN Ở NGƯỜI TRƯỞNG THÀNH PHƯỜNG ĐỒNG NHÂN, QUẬN HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI NĂM 2025

**Đào Kiều Anh**[1], **Ngô Minh Đạt**[2*], Nguyễn Anh Quang[1], Trần Thị Hải Yến[3], Nguyễn Kim Cúc[3], Nguyễn Thị Huệ[3], Vũ Thị Hồng[3], Tăng Xuân An[3], Trần Thị Mai Anh[3], Lê Vương Quý[4], Nguyễn Thị Thùy Linh[4]

[1]Trạm Y tế phường Hai Bà Trưng, Hà Nội; [2]Công ty Cổ phần Vắc xin Việt Nam (VNVC), Hà Nội; [3]Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City, Hà Nội; [4]Bệnh viện Trung ương Quân đội 108

***Liên hệ:** Ngô Minh Đạt | Email: minhdatdhtl@gmail.com | ĐT: 0986 143 115 | Địa chỉ: Công ty Cổ phần Vắc xin Việt Nam, Hà Nội

## TÓM TẮT / ABSTRACT

**Tiếng Việt**

**Mục tiêu:** Mô tả kiến thức, thực hành phòng sốt xuất huyết Dengue (SXHD) và một số yếu tố liên quan ở người trưởng thành phường Đồng Nhân, Hà Nội. **Phương pháp:** Nghiên cứu cắt ngang trên 349 người ≥ 18 tuổi (01–07/2025), chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng theo giới và nhóm tuổi; phỏng vấn trực tiếp bằng bộ câu hỏi (Cronbach's α = 0,795); phân tích bằng SPSS 20.0. **Kết quả:** 69,3% đạt kiến thức chung nhưng chỉ 20,3% đạt thực hành chung; kiến thức về lây truyền đạt thấp nhất (48,1%). Kiến thức liên quan với tuổi, học vấn, nghề nghiệp, tiền sử mắc và nguồn thông tin (p < 0,05). Thực hành liên quan với tuổi 31–60 (OR = 3,3), > 60 (OR = 2,6), hưu trí (OR = 4,1) và tiền sử mắc SXHD (OR = 4,9); điểm kiến thức tương quan thuận mức yếu với điểm thực hành (rho = 0,366). **Kết luận:** Tồn tại khoảng cách lớn giữa kiến thức và thực hành; cần truyền thông thay đổi hành vi, ưu tiên biện pháp bảo vệ cá nhân.

**English**

**Objective:** To describe dengue prevention knowledge and practice and associated factors among adults in Dong Nhan Ward, Hanoi. **Methods:** A cross-sectional study of 349 adults aged ≥ 18 years (January–July 2025), selected by stratified random sampling by sex and age; face-to-face interviews with a structured questionnaire (Cronbach's α = 0.795); analysis in SPSS 20.0. **Results:** Adequate knowledge was found in 69.3% of participants, but adequate practice in only 20.3%; knowledge of transmission was the lowest (48.1%). Knowledge was associated with age, education, occupation, dengue history and information sources (p < 0.05). Practice was associated with age 31–60 (OR = 3.3), > 60 (OR = 2.6), retirement (OR = 4.1) and dengue history (OR = 4.9); knowledge and practice scores were weakly correlated (rho = 0.366). **Conclusion:** A wide knowledge–practice gap exists; behaviour-change communication should prioritise personal protective measures.

## ĐẶT VẤN ĐỀ / MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

**Top 5**
Việt Nam thuộc 5 quốc gia có gánh nặng SXHD cao nhất khu vực Châu Á – Thái Bình Dương

**Chưa có**
thuốc điều trị đặc hiệu – phòng bệnh dựa chủ yếu vào diệt muỗi, bọ gậy và hành vi của cộng đồng

- Hà Nội có số mắc cao, diễn biến phức tạp; quận Hai Bà Trưng là địa bàn trọng điểm với nhiều ổ dịch rải rác.
- Hiệu quả phòng bệnh phụ thuộc vào kiến thức và **thực hành chủ động** của người dân; khoảng cách giữa hiểu biết và hành vi vẫn là thách thức.
- Người trưởng thành là người ra quyết định và trực tiếp thực hiện biện pháp phòng bệnh tại hộ gia đình.

### MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

1. Mô tả kiến thức và thực hành phòng SXHD ở người trưởng thành phường Đồng Nhân, Hà Nội năm 2025.
2. Xác định một số yếu tố liên quan đến kiến thức và thực hành phòng SXHD của đối tượng nghiên cứu.

## ĐỐI TƯỢNG – PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- **Thiết kế:** nghiên cứu mô tả cắt ngang.
- **Đối tượng:** người dân ≥ 18 tuổi sinh sống tại phường Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng (nay là phường Hai Bà Trưng), Hà Nội.
- **Thời gian:** tháng 01 – 07/2025.

**Giai đoạn 1** — Chọn ngẫu nhiên 1/8 tổ dân phố → **Giai đoạn 2** — Phân tầng theo giới × nhóm tuổi (18–30; 31–60; > 60) → **Kết quả** — **n = 349 người trưởng thành**

- **Công cụ:** bộ câu hỏi phỏng vấn trực tiếp, thử nghiệm trên 20 người; Cronbach's α = 0,795.
- **Đánh giá:** kiến thức 38 điểm (lây truyền 12; triệu chứng 11; phòng bệnh 15); thực hành 15 điểm. "Đạt" khi ≥ 80% tổng điểm (≥ 30/38 và ≥ 12/15).
- **Phân tích:** SPSS 20.0; kiểm định Chi-square/Fisher's exact; OR (KTC 95%); tương quan Spearman; mức ý nghĩa p < 0,05.
- **Đạo đức:** Hội đồng Đạo đức Trường Đại học Thăng Long, QĐ số 25021302/QĐ-ĐHTL ngày 13/02/2025.

## KẾT QUẢ

**349**
người trưởng thành tham gia
(nam 49,6%; tuổi TB 47,6 ± 20,5)

**69,3%**
đạt kiến thức chung
(31,9 ± 4,9 / 38 điểm)

**20,3%**
đạt thực hành chung
(9,7 ± 2,7 / 15 điểm)

**rho = 0,366**
tương quan thuận, mức yếu giữa
điểm kiến thức và thực hành (p < 0,01)

**Lây truyền: mảng kiến thức yếu nhất**
*Tỷ lệ đạt theo nhóm kiến thức (%)*

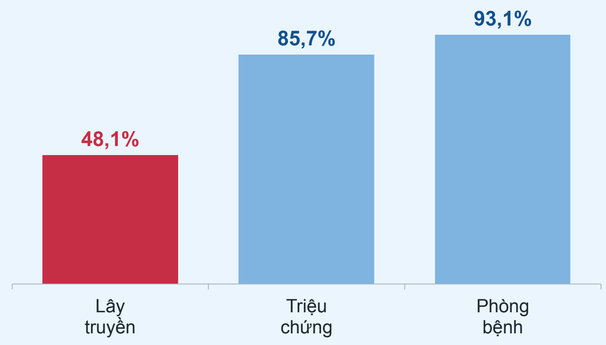


**Vệ sinh chung tốt; lưới chắn, hương muỗi, hoá chất diệt bọ gậy thấp**
*Tỷ lệ áp dụng từng biện pháp phòng bệnh (%) – đỏ: 3 biện pháp có tỷ lệ thấp nhất*

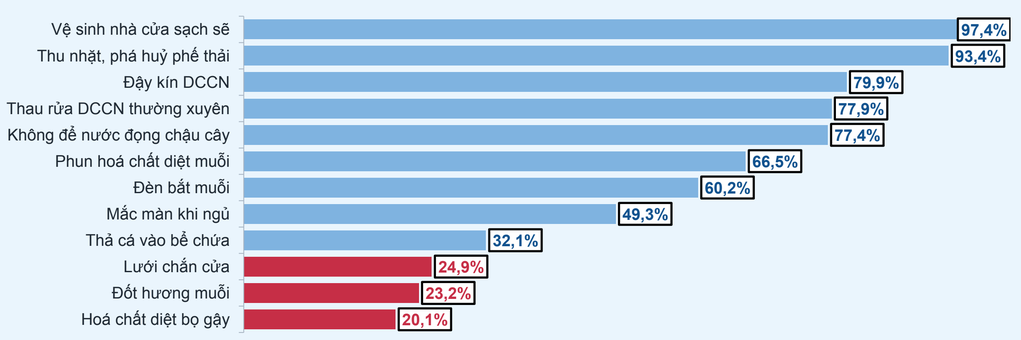


**NVYT, đài/tivi là kênh chính**
*Nguồn thông tin tiếp cận (%) – đỏ: 3 nguồn thấp nhất*

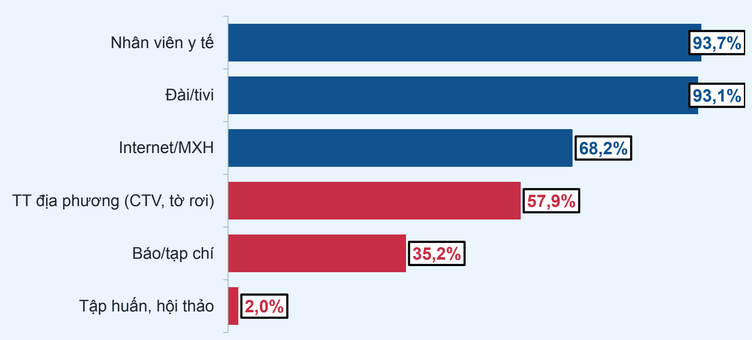


**Yếu tố liên quan: tuổi, học vấn, nghề nghiệp, tiền sử mắc và nguồn thông tin** *OR (KTC 95%), phân tích đơn biến; ô rỗng màu xám: không có ý nghĩa thống kê*

**A. Kiến thức chung đạt**

| | OR (KTC 95%) | p |
|---|---|---|
| Tuổi 31–60 (so với 18–30) | **2,3 (1,3–4,0)** | 0,01 |
| Tuổi > 60 (so với 18–30) | 1,5 (0,9–2,7) | 0,11 |
| THPT (so với THCS) | **3,7 (1,4–9,7)** | 0,01 |
| Trung cấp/Cao đẳng (so với THCS) | **3,9 (1,4–10,7)** | 0,01 |
| Đại học/Sau đại học (so với THCS) | **25,7 (7,9–83,9)** | < 0,01 |
| Công chức/Viên chức (so với HS/SV) | **31,9 (4,1–247,6)** | < 0,01 |
| Lao động tự do (so với HS/SV) | **2,1 (1,1–3,8)** | 0,02 |
| Hưu trí (so với HS/SV) | **3,2 (1,3–7,6)** | 0,01 |
| Đã từng mắc SXHD | **8,5 (1,1–64,7)** | 0,01 |
| Nguồn tin: Internet/Mạng xã hội | **0,3 (0,2–0,5)** | < 0,01 |
| Nguồn tin: Đài/tivi | **31,1 (7,2–134,9)** | < 0,01 |
| Nguồn tin: Nhân viên y tế | **6,9 (2,6–18,2)** | < 0,01 |
| Nguồn tin: Truyền thông địa phương | **3,6 (2,2–5,8)** | < 0,01 |
| Nguồn tin: Báo/tạp chí | **3,5 (2,0–6,1)** | < 0,01 |




**B. Thực hành chung đạt**

| | OR (KTC 95%) | p |
|---|---|---|
| Tuổi 31–60 (so với 18–30) | **3,3 (1,6–6,8)** | < 0,01 |
| Tuổi > 60 (so với 18–30) | **2,6 (1,2–5,4)** | 0,01 |
| Nam (so với nữ) | 0,9 (0,5–1,5) | 0,75 |
| Đại học/Sau đại học (so với THCS) | 1,4 (0,4–4,7) | 0,55 |
| Lao động tự do (so với HS/SV) | 1,6 (0,7–3,6) | 0,23 |
| Hưu trí (so với HS/SV) | **4,1 (1,6–10,3)** | < 0,01 |
| Đã từng mắc SXHD | **4,9 (1,9–12,6)** | < 0,01 |
| Kiến thức chung đạt | 1,8 (1,0–3,4) | 0,05 |

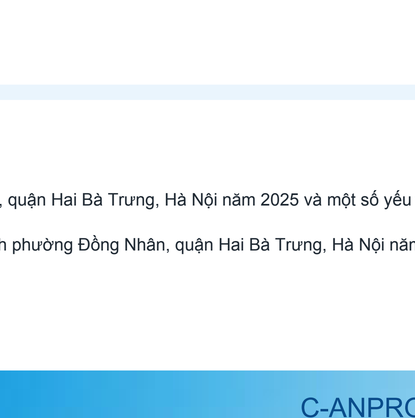


## BÀN LUẬN – KẾT LUẬN & ĐỀ XUẤT

### Bàn luận chính

- **Khoảng cách kiến thức – thực hành:** 69,3% so với 20,3%; tương quan chỉ ở mức yếu (rho = 0,366) – kiến thức cần thiết nhưng có thể chưa đủ để thay đổi hành vi.
- **Nghịch lý Internet/MXH:** nhóm tiếp cận có tỷ lệ kiến thức đạt thấp hơn (OR = 0,3), gợi ý ảnh hưởng của thông tin chưa được kiểm chứng.
- **Trải nghiệm bệnh:** người từng mắc SXHD có thực hành đạt cao hơn (52,6% so với 18,5%).
- **Hạn chế:** thiết kế cắt ngang, 1 phường, số liệu tự báo cáo, phân tích đơn biến; điểm cắt 80% khá chặt.

### Kết luận

1. **69,3%** người trưởng thành đạt kiến thức chung nhưng chỉ **20,3%** đạt thực hành chung; kiến thức về đường lây truyền thấp nhất (48,1%).
2. Kiến thức đạt liên quan với tuổi 31–60, trình độ học vấn, nghề nghiệp, tiền sử mắc và nguồn thông tin chính thống (p < 0,05).
3. Thực hành đạt liên quan với tuổi 31–60 (OR = 3,3), > 60 (OR = 2,6), hưu trí (OR = 4,1) và tiền sử mắc SXHD (OR = 4,9).

### Đề xuất

- Truyền thông thay đổi hành vi, tập trung vào biện pháp chống muỗi đốt cá nhân (mắc màn, lưới chắn) và diệt bọ gậy triệt để.
- Bổ sung nội dung về véc tơ và đường lây truyền (muỗi Aedes aegypti).
- Ưu tiên nhóm 18–30 tuổi, học sinh/sinh viên; cung cấp thông tin chính thống trên nền tảng số.
- Phát huy vai trò nhân viên y tế, cộng tác viên và đài/tivi; tăng giám sát tại cộng đồng.

**Bài 1 – Kiến thức**
*Quét để đọc toàn văn*

**Bài 2 – Thực hành**
*Quét để đọc toàn văn*

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Kiều Anh, Nguyễn Anh Quang, Trần Thị Hải Yến, và cs. Kiến thức về phòng sốt xuất huyết dengue ở người trưởng thành phường Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội năm 2025 và một số yếu tố liên quan. Tạp chí Khoa học Điều dưỡng. 2026;9(2):34–44. doi:10.54436/jns.2026.02.1235
2. Đào Kiều Anh, Ngô Minh Đạt, Nguyễn Thị Huệ, và cs. Thực hành về phòng sốt xuất huyết Dengue và một số yếu tố liên quan ở người trưởng thành phường Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội năm 2025. Tạp chí Y học dự phòng. 2026;36(4):132–143. doi:10.51403/0868-2836/2026/3147